

Số: 418/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 12 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB
Dự án: Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn (Đợt 2)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; số 49/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên số 57/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 ban hành quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 10/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026; số 291/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 ban hành quyết định ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 03/12/2025 của UBND phường Bá Xuyên về việc phê duyệt dự án Khu đô thị số 4, phường Bá Xuyên;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 của UBND phường Bá Xuyên việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm dự án: Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn;

Thực hiện nội dung Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26/3/2026 của UBND phường Bá Xuyên Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn;

Thực hiện nội dung Thông báo số 235/TB-UBND ngày 25/5/2026 của UBND phường Bá Xuyên về việc điều chỉnh, bổ sung Thông báo số 135/TB-UBND ngày 26/3/2026 của UBND phường Bá Xuyên;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 15 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Khu đô thị số 4 phường Châu Sơn (Đợt 2), cụ thể như sau:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi **1.687,2m²** của 15 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn (ONT): 210,0 m²;
- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 883,9 m²;
- Đất trồng lúa (LUC, LUK): 447,6 m²;
- Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 145,7 m²;

b) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: 2.932.594.080 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, không trăm tám mươi đồng)

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 695.485.900 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 588.553.480 đồng;
- Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở 1.056.906.000 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 209.361.600 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 320.129.700 đồng;
- Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 14.771.600 đồng;
- Thuởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn: 47.385.800 đồng;

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Hiện nay, trong phạm vi thực hiện dự án không có hộ gia đình, cá nhân nào có nhu cầu đăng ký hình thức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phương án bố trí tái định cư:

- Hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Bằng đất ở (nếu có).
- Diện tích đất ở tái định cư được giao (Theo kết quả bốc thăm)
- Đơn giá tái định cư: Theo giá do UBND tỉnh quy định trong bảng giá đất.
- Số tiền sử dụng đất người được bố trí tái định cư phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đơn giá trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất được giao.

- Trường hợp người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và được bồi thường bằng giao đất ở nhưng tiền bồi thường về đất ở không đủ so với giá trị

của một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu (60m² tại phường hoặc 100m² tại xã) theo quy định tại khoản 8 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

- Trường hợp gia đình không bàn giao mặt bằng theo thông báo của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực, UBND phường Sông Công bố trí vị trí khác cho gia đình tại các khu tái định cư của dự án và thực hiện thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND phường Bá Xuyên phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (*Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 05 phương án chi tiết dưới đây*).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo khi nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất; (*nếu có*)

2.1.3.1. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình khi nhà nước thu hồi đất. (*nếu có*)

2.1.3.2. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất. (*nếu có*)

2.2. Phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; (*nếu có*)

(*Có phụ lục chi tiết kèm theo*)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường Bá Xuyên và tại các nhà văn hóa TDP Bá Xuyên 3, Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày 13/6/2026 đến hết ngày 22/6/2026.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu *Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này*).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 13/6/2026 đến hết ngày 22/6/2026.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo giấy mời cụ thể của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II sau thời gian kết thúc niêm yết.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đề nghị UBND phường Bá Xuyên chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của phường theo quy định.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên; các tổ dân phố Bá Xuyên 3, Bá Xuyên 4 phường Bá Xuyên; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Bá Xuyên;
- Cổng thông tin điện tử phường Bá Xuyên;
- Ủy ban MTTQ phường Bá Xuyên;
- TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQ, Trangdth (20b).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, PHƯỜNG CHÂU SƠN (ĐỢT 2)

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)	Tổng số nhân khẩu	Tổng diện tích đất NN đang sử dụng
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Thị Hòa (SDD: 019176016176; SĐT: 0975.990.025)	HTĐT	TDP 1, phường Bá Xuyên			232,0	232,4	22,0				Đất nông nghiệp	3	919,4
		HTĐT		224 (242)	72 (35-II)	232,0	232,4	22,0	LUC	1	Lúa	Có GCN QSD đất.		
2	Dương Văn Dũng - Trần Thị Gái - Dương Minh Nghĩa (Người được ủy quyền Nguyễn Thị Thu Hoài) (SDD: Dũng: 019077014544; Hoài: 019181002951; SĐT: Dũng: 0386.274.704; Hoài: 0916.707.317)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên			144,0	121,3	30,2				Đất nông nghiệp	6	dưới 30%
		HTĐT		267 (255)	72 (35-II)	144,0	121,3	30,2	LUC	1	Lúa	Có GCN QSD đất.		
3	Nguyễn Thị Hằng (SDD: 019172009380; SĐT: 0984.718.999)	HTĐT	TDP Na Hoàng, phường Bách Quang			162,1	162,1	37,2				Đất nông nghiệp	2	162,1
		HTĐT		89	72	162,1	162,1	37,2	LUC	1	Lúa	Có GCNQSD đất.		
4	Trịnh Văn Hiệp - Trần Thị Hong Linh (SDD: 019184002356; SĐT: 0986.884.750)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			147,0	170,6	170,6				Đất nông nghiệp	5	dưới 30%
		HTĐT		122 (170)	72 (35-II)	147,0	160,1	160,1	LUC	1	Lúa	Có GCNQSD đất		

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)	Tổng số nhân khẩu	Tổng diện tích đất NN đang sử dụng
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		HTĐT		120	72		10,5	10,5	LUK	1	Lúa	Không có GCNQSD đất		
5	Nguyễn Văn Bằng - Đỗ Thị Liên (SDD: Bằng: 019058005332; Liên: 019159004394; SĐT: Bằng: 0983.882.258)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			304,9	304,9	3,3				Đất nông nghiệp	7	dưới 30%
		HTĐT		174 (174)	72 (49)	304,9	304,9	3,3	LUC	1	Lúa	Có GCNQSD đất		
6	Đào Xuân Quang (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			0,0	619,2	31,7		1		Đất nông nghiệp	4	dưới 30%
		HTĐT		199 (227)	72 (35-II)		619,2	31,7	LUC	1	Lúa	Không có GCNQSD đất		
7	Phạm Thị Xuyên (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			1.191,0	1.180,2	279,0				Đất nông nghiệp cùng thửa đất ở		
		HTĐT		69	72	1.191,0	1.180,2	279,0	CLN	1	Cây cối	Có GCNQSD đất		
8	Dương Văn Thạch (SDD: 019065000135; SĐT: 0915.410.043)	KHTĐT	301, E1, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội			1.883,6	1.883,6	145,2				Đất nông nghiệp + đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	1	dưới 30%
		KHTĐT		101	72 (49)	133,6	133,6	133,6	LUC	1	Lúa	Có GCNQSD đất (thu hồi hết thửa)		
		KHTĐT		28 (564)	72 (49)	1.750,0	1.750,0	11,6	CLN	1	Tường rào, cây cối	Có GCNQSD đất.		

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)	Tổng số nhân khẩu	Tổng diện tích đất NN đang sử dụng
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
9	Dương Tiến Mận - Trần Thị Thúy Hà (SDD: Mận: 019066008484, Hà: 019174014086; SĐT: Mận: 0973.395.936, Hà: 0975.820.717)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			0,0	68,1	19,0				Đất nông nghiệp	4	dưới 30%
		HTĐT		84	72		68,1	19,0	LUC	1	Lúa	Không GCNQSD đất.		
10	Nguyễn Anh Tuấn (SDD: 019093013198; SĐT: 0349.531.560)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			862,0	862,0	536,0					5	dưới 30%
		HTĐT		83	72 (49)	150,0	150,0	150,0	ODT	1		Có GCNQSD đất		
		HTĐT		83	72 (49)	712,0	712,0	386,0	CLN	1		Có GCNQSD đất		
11	Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan (SDD: Thắng: 019062004908, Hoan: 019164008370; SĐT: Hoan: 0988.522.396)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			1.006,0	1.180,6	132,8					6	dưới 30%
		HTĐT		115 (168b)	72 (35-II)	1.006,0	1.180,6	132,8	CLN	1	mít	Có GCNQSD đất		
12	Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Văn Tám (SDD: 036190013287; SĐT: 0918.331.662)	HTĐT	TDP 10, phường Bá Xuyên			300,0	300,0	205,7					4	240
		HTĐT		124 (192)	72 (35-II)	60,0	60,0	60,0	ODT	1		Có GCNQSD đất		

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)	Tổng số nhân khẩu	Tổng diện tích đất NN đang sử dụng
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		HTĐT		124 (192)	72 (35-II)	240,0	240,0	145,7	HNK	1	ôi, bưởi, chuối	Có GCNQSD đất		
13	Dương Thúy Mỹ (Người được ủy quyền Trần Thái Bình) (SDD: Mỹ: 019145004694- Bình: 019075000101; SĐT: 0977.630.144)	HTĐT	TDP 85, phường Kim Liên			94,0	202,7	29,8				Đất nông nghiệp	3	756,5
		HTĐT		111 (280)	72 (35-II)	94,0	202,7	29,8	CLN	1	cây sưa	Có GCNQSD đất		
14	Lý Thị Nhạn (SDD: 019161003581; SĐT: 0976.468.299)	KHTĐT	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên			1.548,9	1.548,9	42,8					4	1198,9
		KHTĐT		148 (168)	72 (35-II)	1.548,9	1.548,9	28,8	CLN	1	cây cối	Có GCNQSD đất		
		KHTĐT		148 (168)	72 (35-II)			14,0	CLN	1	cây cối	Không có GCNQSD đất		
15	Vũ Văn Tám (SDD: 019073010575) - Trần Thị Lương (SDD: 019178004931; SĐT: 0372.822.459)	HTĐT	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên			331,3	331,3	1,9					4	dưới 30%
		HTĐT		306	72	331,3	331,3	1,9	CLN	1	Tường rào, cây cối	Không có GCNQSD đất		
						8.206,8	9.167,9	1.687,2						

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, PHƯỜNG CHÂU SƠN (ĐQT 2)

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTTr-CNTTPQTĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

DVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(5+6+...+15)	
1	Nguyễn Thị Hòa (SDD: 019176016176; SĐT: 0975.990.025)	TDP 1, phường Bá Xuyên	22,0	1.980.000	215.600	-	-	10.130.400	5.940.000	-	-	-	220.000		110.000	18.596.000	
2	Dương Văn Dũng - Trần Thị Gái - Dương Minh Nghĩa (Người được ủy quyền Nguyễn Thị Thu Hoài) (SDD: Dũng: 019077014544; Hoài: 019181002951; SĐT: Dũng: 0386.274.704; Hoài: 0916.707.317)	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên	30,2	2.718.000	295.960	-	-	20.260.800	8.154.000	-	-	-	302.000		151.000	31.881.760	
3	Nguyễn Thị Hằng (SDD: 019172009380; SĐT: 0984.718.999)	TDP Na Hoàng, phường Bách Quang	37,2	3.348.000	364.560	-	-	6.753.600	10.044.000	-	-	-	372.000		186.000	21.068.160	
4	Trịnh Văn Hiệp - Trần Thị Hồng Linh (SDD: 019184002356; SĐT: 0986.884.750)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	170,6	15.354.000	1.671.880	-	-	16.884.000	46.062.000	-	-	-	1.706.000		853.000	82.530.880	
5	Nguyễn Văn Bằng - Đỗ Thị Liên (SDD: Bằng: 019058005332; Liên: 019159004394; SĐT: Bằng: 0983.882.258)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	3,3	297.000	32.340	-	-	23.637.600	891.000	-	-	-	33.000		16.500	24.907.440	
6	Đào Xuân Quang (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	31,7	2.853.000	310.660	-	-	13.507.200	8.559.000	-	-	-	317.000		158.500	25.705.360	
7	Phạm Thị Xuyên (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	279,0	22.320.000	-	93.771.900	446.250.000	-	66.960.000	-	-	-	2.790.000		1.395.000	633.486.900	

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(5+6+...+15)	
8	Dương Văn Thạch (SDD: 019065000135; SĐT: 0915.410.043)	301, E1, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	145,2	12.952.000	1.309.280	8.469.100	20.706.000	3.376.800	-	-	-	-	1.452.000		726.000	48.991.180	
9	Dương Tiến Mận - Trần Thị Thúy Hà (SDD: Mận: 019066008484, Hà: 019174014086; SĐT: Mận: 0973.395.936, Hà: 0975.820.717)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	19,0	1.710.000	186.200	-	-	13.507.200	5.130.000	-	-	-	190.000		95.000	20.818.400	
10	Nguyễn Anh Tuấn (SDD: 019093013198; SĐT: 0349.531.560)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	536,0	480.880.000	-	356.325.400	375.000.000	16.884.000	92.640.000	-	-	-	3.860.000	20.000.000	1.930.000	1.347.519.400	
11	Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan (SDD: Thắng: 019062004908, Hoan: 019164008370; SĐT: Hoan: 0988.522.396)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	132,8	10.624.000	-	63.588.800	19.920.000	20.260.800	31.872.000	-	-	-	1.328.000		664.000	148.257.600	
12	Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Văn Tám (SDD: 036190013287; SĐT: 0918.331.662)	TDP 10, phường Bá Xuyên	205,7	134.493.100	-	8.015.000	148.410.000	27.014.400	36.279.300	-	-	-	1.457.000	20.000.000	728.500	376.397.300	
13	Dương Thúy Mỹ (Người được ủy quyền Trần Thái Bình) (SDD: Mỹ: 019145004694- Bình: 019075000101; SĐT: 0977.630.144)	TDP 85, phường Kim Liên	29,8	2.384.000	-	25.718.600	-	10.130.400	7.152.000	-	-	-	298.000		149.000	45.832.000	
14	Lý Thị Nhạn (SDD: 019161003581; SĐT: 0976.468.299)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	42,8	3.424.000	-	23.516.200	43.200.000	13.507.200	-	-	-	-	428.000		214.000	84.289.400	
15	Vũ Văn Tám (SDD: 019073010575) - Trần Thị Lương (SDD: 019178004931; SĐT: 0372.822.459)	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên	1,9	148.800	-	4.762.000	3.420.000	13.507.200	446.400	-	-	-	18.600		9.300	22.312.300	

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ỒN HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, HỖ TRỢ ỒN ĐỊNH SẢN XUẤT KINH DOANH, THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, PHƯỜNG CHÂU SƠN (ĐỢT 2)

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m2)	Loại đất	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thường BGMB trước thời hạn (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
											Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/ m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(6x12)	(14)	(15)=(6x14)	(16)	(17)=(6x16)	(18)	(19)=(6x18)	(20)	(21)=(6x20)	(22)	(23)=(6x22)	(24)=(13+15+17+19+21+23)
1	Nguyễn Thị Hòa (SDD: 019176016176; SĐT: 0975.990.025)	HTĐT			232,4	22,0						1.980.000	0	0		215.600		5.940.000		220.000		110.000	8.465.600
		HTĐT	224 (242)	72 (35-II)	232,4	22,0		LUC	1	Lúa	90.000	1.980.000			9.800	215.600	270.000	5.940.000	10.000	220.000	5.000	110.000	8.465.600
2	Dương Văn Dũng - Trần Thị Gái - Dương Minh Nghĩa (Người được ủy quyền Nguyễn Thị Thu Hoài) (SDD: Dũng: 019077014544; Hoài: 019181002951; SĐT: Dũng: 0386.274.704; Hoài: 0916.707.317)	HTĐT			121,3	30,2						2.718.000	0	0		295.960		8.154.000		302.000		151.000	11.620.960
		HTĐT	267 (255)	72 (35-II)	121,3	30,2		LUC	1	Lúa	90.000	2.718.000			9.800	295.960	270.000	8.154.000	10.000	302.000	5.000	151.000	11.620.960
3	Nguyễn Thị Hằng (SDD: 019172009380; SĐT: 0984.718.999)	HTĐT			162,1	37,2						3.348.000	0	0		364.560		10.044.000		372.000		186.000	14.314.560
		HTĐT	89	72	162,1	37,2		LUC	1	Lúa	90.000	3.348.000			9.800	364.560	270.000	10.044.000	10.000	372.000	5.000	186.000	14.314.560
4	Trịnh Văn Hiệp - Trần Thị Hồng Linh (SDD: 019184002356; SĐT: 0986.884.750)	HTĐT			170,6	170,6						15.354.000				1.671.880		46.062.000		1.706.000		853.000	65.646.880
		HTĐT	122 (170)	72 (35-II)	160,1	160,1		LUK	1	Lúa	90.000	14.409.000			9.800	1.568.980	270.000	43.227.000	10.000	1.601.000	5.000	800.500	61.606.480
		HTĐT	120	72	10,5	10,5		LUK	1	Lúa	90.000	945.000			9.800	102.900	270.000	2.835.000	10.000	105.000	5.000	52.500	4.040.400

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m ²)	Loại đất	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB trước thời hạn (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
											Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/ m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)-(6x12)	(14)	(15)-(6x14)	(16)	(17)-(6x16)	(18)	(19)-(6x18)	(20)	(21)-(6x20)	(22)	(23)-(6x22)	(24)-(13+15+17+19+21 +23)
5	Nguyễn Văn Bằng - Đỗ Thị Liên (SDD: Bằng: 019058005332; Liên: 019159004394; SDT: Bằng: 0983.882.258)	HTĐT			304,9	3,3						297.000				32.340		891.000		33.000		16.500	1.269.840
		HTĐT	174 (174)	72 (49)	304,9	3,3		LUC	1	Lúa	90.000	297.000			9.800	32.340	270.000	891.000	10.000	33.000	5.000	16.500	1.269.840
6	Đào Xuân Quang (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SDT: 0962.565.625)	HTĐT			619,2	31,7			1			2.853.000	-	-	9.800	310.660	270.000	8.559.000	10.000	317.000	5.000	158.500	12.198.160
		HTĐT	199 (227)	72 (35-II)	619,2	31,7		LUC	1	Lúa	90.000	2.853.000			9.800	310.660	270.000	8.559.000	10.000	317.000	5.000	158.500	12.198.160
7	Phạm Thị Xuyên (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SDT: 0962.565.625)	HTĐT			1.180,2	279,0						22.320.000		446.250.000		0		66.960.000		2.790.000		1.395.000	539.715.000
		HTĐT	69	72	1.180,2	279,0	250,0	CLN	1	Cây cối	80.000	22.320.000	1.785.000	446.250.000	-	-	240.000	66.960.000	10.000	2.790.000	5.000	1.395.000	539.715.000
8	Dương Văn Thạch (SDD: 019065000135; SDT: 0915.410.043)	KHTĐ T			1.883,6	145,2						12.952.000		20.706.000		1.309.280		0		1.452.000		726.000	37.145.280
		KHTĐT	101	72 (49)	133,6	133,6		LUC	1	Lúa	90.000	12.024.000			9.800	1.309.280	-	-	10.000	1.336.000	5.000	668.000	15.337.280
		KHTĐT	28 (564)	72 (49)	1.750,0	11,6	11,6	CLN	1	Tường rà, cây cối	80.000	928.000	1.785.000	20.706.000	-	-	-	-	10.000	116.000	5.000	58.000	21.808.000
9	Dương Tiến Mận - Trần Thị Thúy Hà (SDD: Mận: 019066008484, Hà: 019174014086; SDT: Mận: 0973.395.936, Hà: 0975.820.717)	HTĐT			68,1	19,0						1.710.000		0		186.200		5.130.000		190.000		95.000	7.311.200

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m ²)	Loại đất	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB trước thời hạn (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
											Đơn giá (đồng / m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng / m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng / m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng / m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)-(6x12)	(14)	(15)-(6x14)	(16)	(17)-(6x16)	(18)	(19)-(6x18)	(20)	(21)-(6x20)	(22)	(23)-(6x22)	(24)-(13+15+17+19+21 +23)
		HTĐT	84	72	68,1	19,0		LUC	1	Lúa	90.000	1.710.000			9.800	186.200	270.000	5.130.000	10.000	190.000	5.000	95.000	7.311.200
10	Nguyễn Anh Tuấn (SDD: 019093013198; SĐT: 0349.531.560)	HTĐT			862,0	536,0						480.880.000		375.000.000		0		92.640.000		3.860.000		21.930.000	974.310.000
		HTĐT	83	72 (49)	150,0	150,0		ODT	1		3.000.000	450.000.000			-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	470.000.000
		HTĐT	83	72 (49)	712,0	386,0	250,0	CLN	1		80.000	30.880.000	1.500.000	375.000.000	-	-	240.000	92.640.000	10.000	3.860.000	5.000	1.930.000	504.310.000
11	Ngô Minh Thăng - Dương Thị Hoan (SDD: Thăng: 019062004908, Hoan: 019164008370; SĐT: Hoan: 0988.522.396)	HTĐT			1.180,6	132,8						10.624.000		19.920.000		0		31.872.000		1.328.000		664.000	64.408.000
		HTĐT	115 (168b)	72 (35-II)	1.180,6	132,8	132,8	CLN	1	mít	80.000	10.624.000	150.000	19.920.000	-	-	240.000	31.872.000	10.000	1.328.000	5.000	664.000	64.408.000
12	Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Văn Tám (SDD: 036190013287; SĐT: 0918.331.662)	HTĐT			300,0	205,7						134.493.100		148.410.000		0		36.279.300		1.457.000		20.728.500	341.367.900
		HTĐT	124 (192)	72 (35-II)	60,0	60,0		ODT	1		2.040.000	122.400.000		0	-	-	-	-	-	-	-	20.000.000	142.400.000
		HTĐT	124 (192)	72 (35-II)	240,0	145,7	145,5	HN K	1	ôi, bưởi, chuối	83.000	12.093.100	1.020.000	148.410.000	-	-	249.000	36.279.300	10.000	1.457.000	5.000	728.500	198.967.900
13	Dương Thúy Mỹ (Người được ủy quyền Trần Thái Bình) (SDD: Mỹ: 019145004694- Bình: 019075000101; SĐT: 0977.630.144)	HTĐT			202,7	29,8						2.384.000		0		0		7.152.000		298.000		149.000	9.983.000
		HTĐT	111 (280)	72 (35-II)	202,7	29,8		CLN	1	cây sưa	80.000	2.384.000	1.500.000	0	-	-	240.000	7.152.000	10.000	298.000	5.000	149.000	9.983.000

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m2)	Loại đất	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thưởng BGMB trước thời hạn (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
											Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/ m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng /m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)-(6x12)	(14)	(15)-(6x14)	(16)	(17)-(6x16)	(18)	(19)-(6x18)	(20)	(21)-(6x20)	(22)	(23)-(6x22)	(24)-(13+15+17+19+21+23)
14	Lý Thị Nhạn (SDD: 019161003581; SĐT: 0976.468.299)	KHTĐ T			1.548,9	42,8						3.424.000		43.200.000		0		0		428.000		214.000	47.266.000
		KHTĐT	148 (168)	72 (35-II)	1.548,9	28,8	28,8	CLN	1	cây cối	80.000	2.304.000	1.500.000	43.200.000	-	-	-	-	10.000	288.000	5.000	144.000	45.936.000
		KHTĐT	148 (168)	72 (35-II)	-	14,0		CLN	1	cây cối	80.000	1.120.000		0	-	-	-	-	10.000	140.000	5.000	70.000	1.330.000
15	Vũ Văn Tám (SDD: 019073010575) - Trần Thị Lương (SDD: 019178004931; SĐT: 0372.822.459)	HTĐT			331,3	1,9						148.800		3.420.000		0		446.400		18.600		9.300	4.043.100
		HTĐT	306	72	331,3	1,9	1,9	CLN	1	Tường rào, cây cối	80.000	148.800	1.800.000	3.420.000	-	-	240.000	446.400	10.000	18.600	5.000	9.300	4.043.100

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, PHƯỜNG CHÂU SƠN (ĐỢT 2)

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	-5,0	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	6)=(13x14x15)	(17)=(10+16)
1	Nguyễn Thị Hòa (SDD: 019176016176; SĐT: 0975.990.025)	TDP 1, phường Bá Xuyên	22,0	919,4	2,4%	3	6	562.800	10.130.400		-		-	500.000	-	10.130.400
2	Dương Văn Dũng - Trần Thị Gái - Dương Minh Nghĩa (Người được ủy quyền Nguyễn Thị Thu Hoài) (SDD: Dũng: 019077014544; Hoài: 019181002951; SĐT: Dũng: 0386.274.704; Hoài: 0916.707.317)	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên	30,2	dưới 30%	-	6	6	562.800	20.260.800		-		-	500.000	-	20.260.800
3	Nguyễn Thị Hằng (SDD: 019172009380; SĐT: 0984.718.999)	TDP Na Hoàng, phường Bách Quang	37,2	162,1	22,9%	2	6	562.800	6.753.600		-		-	500.000	-	6.753.600
4	Trịnh Văn Hiệp - Trần Thị Hồng Linh (SDD: 019184002356; SĐT: 0986.884.750)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	170,6	dưới 30%	-	5	6	562.800	16.884.000		-		-	500.000	-	16.884.000

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)
5	Nguyễn Văn Bằng - Đỗ Thị Liễn (SDD: Bằng: 019058005332; Liễn: 019159004394; SĐT: Bằng: 0983.882.258)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	3,3	dưới 30%	-	7	6	562.800	23.637.600		-		-	500.000	-	23.637.600
6	Đào Xuân Quang (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	31,7	dưới 30%	-	4	6	562.800	13.507.200		-		-	500.000	-	13.507.200
7	Phạm Thị Xuyên (Người được ủy quyền Đào Khang) (SDD: Khang: 019176007531; SĐT: 0962.565.625)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	279,0	0,0	-	0	6	562.800	0		-		-	500.000	-	0
8	Dương Văn Thạch (SDD: 019065000135; SĐT: 0915.410.043)	301, E1, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	145,2	dưới 30%	-	1	6	562.800	3.376.800		-		-	500.000	-	3.376.800
9	Dương Tiến Mận - Trần Thị Thúy Hà (SDD: Mận: 019066008484, Hà: 019174014086; SĐT: Mận: 0973.395.936, Hà: 0975.820.717)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	19,0	dưới 30%	-	4	6	562.800	13.507.200		-		-	500.000	-	13.507.200

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	-5,0	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	6)=(13x14x15)	(17)=(10+16)
10	Nguyễn Anh Tuấn (SDD: 019093013198; SĐT: 0349.531.560)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	536,0	dưới 30%	-	5	6	562.800	16.884.000		-		-	500.000	-	16.884.000
11	Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan (SDD: Thắng;	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	132,8	dưới 30%	-	6	6	562.800	20.260.800		-		-	500.000	-	20.260.800
12	Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Văn Tám (SDD: 036190013287; SĐT: 0918.331.662)	TDP 10, phường Bá Xuyên	205,7	240,0	0,9	4	12	562.800	27.014.400		-		-	500.000	-	27.014.400
13	Dương Thúy Mỹ (Người được ủy quyền Trần Thái Bình) (SDD: Mỹ: 019145004694-	TDP 85, phường Kim Liên	29,8	756,5	0,0	3	6	562.800	10.130.400		-		-	500.000	-	10.130.400
14	Lý Thị Nhạn (SDD: 019161003581; SĐT: 0976.468.299)	TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên	42,8	1.198,9	3,6%	4	6	562.800	13.507.200		-		-	500.000	-	13.507.200
15	Vũ Văn Tám (SDD: 019073010575) - Trần Thị Lương (SDD: 019178004931; SĐT: 0372.822.459)	TDP Bá Xuyên 4, phường Bá Xuyên	1,9	dưới 30%	0,0%	4	6	562.800	13.507.200		-		-	500.000	-	13.507.200

2.2. PHƯƠNG ÁN GIAO ĐẤT Ở KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ SỐ 4, PHƯỜNG CHÂU SƠN (ĐỢT 1)

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Đủ điều kiện tách hộ thành (hộ)	Phương án giao đất ở					Hỗ trợ tái định cư (Hỗ trợ tiền đủ để được giao một suất tái định cư tối thiểu)			Ghi chú
							Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Địa điểm	Lô số	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Suất TĐC tối thiểu (m ²)	Thành tiền (đồng)	Số tiền được hỗ trợ (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	-7	(8)	(9)=(5x7)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13x14)	(16)	(17)=(14x16)	(18)=(17-9)	(19)
10	Nguyễn Anh Tuấn (SDD: 019093013198; SDT: 0349.531.560)			150,0			3.000.000	450.000.000										
		83	72 (49)	150,0	ODT		3.000.000	450.000.000		Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn		Theo kết quả bốc thăm	Theo quy định tại bảng giá					
12	Trần Thị Thanh Huyền - Nguyễn Văn Tám (SDD: 036190013287; SDT: 0918.331.662)			60,0			2.040.000	122.400.000										
		124 (192)	72 (35-II)	60,0	ODT		2.040.000	122.400.000		Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn		Theo kết quả bốc thăm	Theo quy định tại bảng giá					

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

DVT: Đồng

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỬA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)	376	35	63.588.800
I	CÔNG TRÌNH BẢNG 2.1.3.1			42.248.800
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THUỸ SẢN			
1	Cây trồng Vật nuôi là thủy sản bảng 2.1.3.2			21.340.000

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
I	Nhà, công trình kiến trúc									42.248.800
	Trụ cổng xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	0,55*0,55*2,5*2	1,513	1.755.000	100%	2.654.400	
	Trát VXM75	Trát tường dày 1,5cm VXM M75		m2	0,55*4*2,5*2	11,000	92.000	100%	1.012.000	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mức 75		m3	0,68*0,68*2*0,28	0,259	1.419.000	100%	367.400	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mức 75		m3	0,88*0,88*2*0,21	0,325	1.419.000	100%	461.500	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	0,9*0,9*2*0,5	0,810	111.000	100%	89.900	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	0,9*0,9*2*0,5/3	0,270	98.000	100%	26.500	
*	Rào xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	9,7*0,1*2,2	2,134	1.755.000	100%	3.745.200	
	Trụ xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	0,1*0,2*2,2*4	0,176	1.755.000	100%	308.900	
	Móng xây gạch BT	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		m3	9,7*0,2*0,3	0,582	1.473.000	100%	857.300	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
	Móng xây gạch BT	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75	m3	9,7*0,3*0,2	0,582	1.473.000	100%	857.300	
	Móng xây gạch BT	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vữa tam hợp mác 75	m3	9,7*0,45*0,2	0,873	1.419.000	100%	1.238.800	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	9,7*0,5*0,8	3,880	111.000	100%	430.700	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	9,7*0,5*0,8/3	1,293	98.000	100%	126.700	
	Cánh cổng khung thép, nan thép	Cổng bằng thép hộp, sen hoa, nan bằng thép (đã sơn)	m2	1,5*2,5	3,750	1.150.000	100%	4.312.500	
	Lưới nhựa đen	Lưới nhựa các loại (ĐG TT)	m2	23,1*1,5	34,650	10.000	100%	346.500	
	Đường bê tông sỏi 1x2 M150	Bê tông nền sỏi, đá 1x2 M150	m3	45*3,5*0,1	15,750	1.352.000	100%	21.294.000	
	Bờ bao xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vữa tam hợp mác 50	m3	7,9*0,1*0,4*2	0,632	1.560.000	100%	985.900	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75	m3	7,9*0,2*0,3*2	0,948	1.473.000	100%	1.396.400	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75	m3	7,9*0,2*0,3*2	0,948	1.473.000	100%	1.396.400	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	7,9*0,3*0,5*2	2,370	111.000	100%	263.100	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	7,9*0,3*0,5*2/3	0,790	98.000	100%	77.400	

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Ngô Minh Thắng - Dương Thị Hoan, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

TT CV	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐẾM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10
1	Cây trồng										21.340.000
	Mít ĐK 35cm	Mít	Cây có đường kính gốc > 30 cm đến 40 cm	Đồng/cây	2	2,0	1.650.000	25,0	50,000	100,0%	3.300.000
	Nhãn ĐK 30cm	Nhãn	Cây có đường kính gốc > 20 cm đến 30 cm	Đồng/cây	3	3,0	2.200.000	25,0	75,000	100,0%	6.600.000
	Nhãn Đk 15	Nhãn	Cây có đường kính gốc > 10 cm đến 20 cm	Đồng/cây	8-8	0,0	1.375.000	25,0	-	100,0%	0
	Ôi Đk 15cm	Ôi	Cây có đường kính gốc > 10 cm	Đồng/cây	5	5,0	1.430.000	16,7	83,333	100,0%	7.150.000
	Ôi ĐK 20cm	Ôi	Cây có đường kính gốc > 10 cm	Đồng/cây	3	3,0	1.430.000	16,7	50,000	100,0%	4.290.000

Chuối có buồng	Chuối	- Cây có buồng	Đồng/khóm	8-8	0,0	120.000	5,0	-	100,0%	0
Thanh long có quả	Thanh long	Cây cho thu hoạch quả	Đồng/trụ	12-12	0,0	445.000	9,1	-	100,0%	0
Bưởi Đk 15cm	Bưởi	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 15 cm	Đồng/cây	5-5	0,0	745.000	25,0	-	100,0%	0
Tổng DT theo mật độ cây								258,333		

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 132,8 m²

DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ m²

DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 258,3 m²

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	(S1 - S3)x2	=	102,8%
	S2		

Ghi chú: Bò 8 cây Nhãn ĐK 15, 8 khóm chuối, 12 trụ Thanh Long, 5 cây Bưởi ĐK 15 do vượt quá mật độ

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản hộ ông (bà): Nguyễn Anh Tuấn , địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

ĐVT: Đồng

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỪA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)	376	35	356.325.400
I	CÔNG TRÌNH BẢNG 2.1.3.1			319.980.400
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THUỶ SẢN			
1	Cây trồng bảng 2.1.3.2			36.345.000

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Kèm theo Thông báo số 418 /TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản hộ ông (bà): Nguyễn Anh Tuấn , địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT	ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	ĐVT: Đồng	
									TỔNG GIÁ TRỊ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)	
I	Công trình kiến trúc									319.980.400
*										120.418.600
	Cánh cổng khung thép hộp bịt tôn	Cửa khung thép V5 hoặc thép hộp có bịt tôn	m2	2,1*2,6*2	10,920	450.000	100%	4.914.000		
	Tường rào xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	(23+10+49,5)*0,1*2,0	16,500	1.755.000	100%	28.957.500		
	Tường rào xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	(23+10+49,5)*0,15*1,2	14,850	1.755.000	100%	26.061.800		
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(23+10+49,5)*0,3*0,3	7,425	1.473.000	100%	10.937.000		
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(23+10+49,5)*0,45*0,3	11,138	1.419.000	100%	15.804.100		
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(23+10+49,5)*0,6*0,3	14,850	1.419.000	100%	21.072.200		
	Đào đất có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(23+10+49,5)*0,7*0,9	51,975	111.000	100%	5.769.200		
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(23+10+49,5)*0,7*0,9/3	17,325	98.000	100%	1.697.900		
	Xây trụ gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	0,1*0,2*2*29	1,160	1.755.000	100%	2.035.800		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
	Xây trụ cổng gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	0,3*0,3*2*2	0,360	1.755.000	100%	631.800	
*	Xây trụ cổng gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	0,45*0,45*1,2*2	0,486	1.755.000	100%	852.900	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	0,6*0,6*0,3*2	0,216	1.419.000	100%	306.500	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	0,75*0,75*0,3*2	0,338	1.419.000	100%	478.900	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mác 75	m3	0,9*0,9*0,3*2	0,486	1.419.000	100%	689.600	
	Đào đất có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	0,9*0,9*0,9*2	1,458	111.000	100%	161.800	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	0,9*0,9*0,9*2/3	0,486	98.000	100%	47.600	
*	Chuồng gà xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	(4,5*2+3,5)*0,11*1,8	2,475	1.755.000	100%	4.343.600	102.573.900
	Trụ xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	0,1*0,2*3,5*12	0,840	1.755.000	100%	1.474.200	
	Cửa xếp U 2ly bọc tôn hoa	Cửa sắt xếp U 2ly bọc tôn hoa	m2	2,5*2*2	10,000	1.110.000	100%	11.100.000	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(22+5)*2*0,15*0,3	2,430	1.473.000	100%	3.579.400	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(22+5)*2*0,3*0,3	4,860	1.473.000	100%	7.158.800	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(22+5)*2*0,45*0,3	7,290	1.473.000	100%	10.738.200	
	Đào đất có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(22+5)*2*0,5*0,9	24,300	111.000	100%	2.697.300	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(22+5)*2*0,5*0,9	24,300	98.000	100%	2.381.400	
	Nền bê tông sỏi 200	Bê tông nền sỏi, đá 1x2 M200	m3	19,7*4,7*0,1	9,259	1.449.000	100%	13.416.300	
	Láng nền VXM75	Láng nền sàn có đánh màu dày 2cm VXM M75	m2	19,7*4,7	92,590	52.000	100%	4.814.700	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
	Mái Fibro xi măng	Lợp mái bằng fibrô xi măng, xà gồ gỗ mỡ	m2	23*6	138,000	241.000	100%	33.258.000	
	Trát VXM75	Trát tường dày 1,5cm VXM M75	m2	5*3,5*2	35,000	92.000	100%	3.220.000	
	Cột thép fi90	cột thép mạ kẽm fi 90	md	5*3,5	17,500	80.000	100%	1.400.000	
	Bóng điện compac 25W	Bóng compac 25W cả đuôi	bộ	5	5,000	55.000	100%	275.000	
	Máy ăn nhựa D30		cái	10	10,000	25.000	100%	250.000	
	Máy uống nhựa D25		cái	10	10,000	20.000	100%	200.000	
	Dây điện Cu 2x2,5	Dây điện dân dụng xấp đôi 2x2,5	md	55	55,000	17.200	100%	946.000	
	Cầu dao 30A	Cầu dao điện 2 pha	cái	5	5,000	65.000	100%	325.000	
	Công tắc	Công tắc đơn	cái	10	10,000	15.000	100%	150.000	
	Dây điện Cu 2x2	Dây điện dân dụng xấp đôi 2x2	md	60	60,000	14.100	100%	846.000	
*	Chuồng gà 2								96.987.900
	Tường xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mác 50	m3	(7+5)*2*0,1*3,5	8,400	1.755.000	100%	14.742.000	
	Cửa đi nhôm kính	Cửa đi cánh mở khung nhôm màu đại loan 76x50mm kính nhậ 5 ly màu xanh đen	m2	2,5*2,5	6,250	1.025.000	100%	6.406.300	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(7+5)*2*0,15*0,3	1,080	1.473.000	100%	1.590.800	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(7+5)*2*0,3*0,3	2,160	1.473.000	100%	3.181.700	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mác 75	m3	(7+5)*2*0,45*0,3	3,240	1.473.000	100%	4.772.500	
	Đào đất có đắp=1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(7+5)*2*0,5*0,9	10,800	111.000	100%	1.198.800	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	(7+5)*2*0,5*0,9/3	3,600	98.000	100%	352.800	
	Nền lát gạch đất nung 30x30	Lát gạch đất nung 300x300mm VXM M75	m2	4,7*6,7	31,490	110.000	100%	3.463.900	
	Bê tông lót sỏi 1x2 M150	Bê tông nền sỏi, đá 1x2 M150	m3	4,7*6,7*0,1	3,149	1.352.000	100%	4.257.400	
	Mái Fibro xi măng	Lợp mái bằng fibrô xi măng, xà gồ gỗ mỡ	m2	9*6	54,000	241.000	100%	13.014.000	
	Bóng điện compact 25W	Bóng compac 25W cả đuôi	bộ	2	2,000	55.000	100%	110.000	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
	Dây điện Cu 2x2	Dây điện dân dụng xấp đôi 2x2	md	25	25,000	14.100	100%	352.500	
	Công tắc	Công tắc đơn	cái	2	2,000	15.000	100%	30.000	
	Lưới B40 cọc thép hình	Hàng rào lưới B40, cọc thép tròn, thép hình	m2	$(10+15+10)*2,2$	77,000	84.600	100%	6.514.200	
	Thép hộp 20x40x1,4	Thép hộp 20x40, dày 1,4ly - 1,303kg/m	kg	$(5*15+15*10)*1,303$	293,175	30.000	100%	8.795.300	
	Đường đi lát gạch đỏ 30x30	Lát gạch đất nung 300x300mm VXM M75	m2	$27*1,6+10*5$	93,200	110.000	100%	10.252.000	
	Bê tông lót sỏi 1x2 M150	Bê tông nền sỏi, đá 1x2 M150	m3	$(27*1,6+10*5)*0,1$	9,320	1.352.000	100%	12.600.600	
	Bố sân xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vữa tam hợp mác 50	m3	$27*0,1*0,15*2$	0,810	1.755.000	100%	1.421.600	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75	m3	$27*0,15*0,3$	1,215	1.473.000	100%	1.789.700	
	Trụ đỡ téc nước xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vữa tam hợp mác 50	m3	$0,22*0,22*3,5*3$	0,508	1.755.000	100%	891.900	
	Téc nước nhựa 3m3	Lắp đặt téc nước 2000 lít	téc	1	1,000	588.000	100%	588.000	
	Ống nhựa PVC D27	Ống nhựa dẫn nước PVC Ø 27	md	52	52,000	8.500	100%	442.000	
	Khóa nhựa PVC 27	Khóa nhựa Ø27	cái	5	5,000	12.500	100%	62.500	
	Cút PCV D27	Cút PVC Ø 27	cái	5	5,000	1.300	100%	6.500	
	Xây móng gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75	m3	$(0,3*0,3+0,45*0,45)*0,3$	0,088	1.473.000	100%	129.300	
	Đào đất có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	$0,5*0,5*0,6$	0,150	111.000	100%	16.700	
	Đắp đất	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu	m3	$0,5*0,5*0,6/3$	0,050	98.000	100%	4.900	

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Kèm theo Thông báo số 418 /TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6, năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chủ sở hữu tài sản hộ ông (bà): Nguyễn Anh Tuấn , địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

TT CV	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10
I	Cây trồng										36.345.000
	Cây mít ĐK 25cm	Mít	Cây có đường kính gốc > 20 cm đến 30 cm	Đồng/cây	20	20,0	1.155.000	25,0	500,000	100,0%	23.100.000
	Cây mít ĐK 15cm	Mít	Cây có đường kính gốc > 12 cm đến 20 cm	Đồng/cây	11-11	0,0	660.000	25,0	-	100,0%	0
	Hồng xiêm ĐK 10cm	Hồng xiêm	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 15 cm	Đồng/cây	11-6	5,0	765.000	25,0	125,000	100,0%	3.825.000
	Chay ĐK 10cm	Chay	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 10 cm	cây	10-10	0,0	180.000	35,7	-	100,0%	0
	Cau có quả ĐK 20cm	Cau	Cây có đường kính gốc > 10 cm đến 20 cm	cây	15	15,0	308.000	6,3	93,750	100,0%	4.620.000
	Đu đủ có quả	Đu đủ	- Cây có quả	Đồng/cây	12	12,0	400.000	5,0	60,000	100,0%	4.800.000
	Vú sữa ĐK 10cm	Vú sữa	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 10 cm	Đồng/cây	5-5	0,0	765.000	33,3	-	100,0%	0
	Bơ ĐK 10cm	Bơ	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 10 cm	Đồng/cây	5-5	0,0	765.000	50,0	-	100,0%	0
Tổng DT theo mật độ cây									778,750		

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 537,3 m2

DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ 143,95 m2

DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 778,8 m2

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	(S1 - S3)x2	=	101,0%
	S2		

Ghi chú: Bỏ 11 cây Mít ĐK 15 cm, 6 cây Hồng Xiêm ĐK 10 cm, 10 Cây Chay ĐK 10cm, 5 cây Vải ĐK 10 cm, 5 cây Bơ ĐK 10 cm do vượt quá mật độ

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn,

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông Dương Văn Thạch, địa chỉ: 301, E1, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
I	Nhà, công trình kiến trúc									8.469.100
	Tường rào xây gạch bê tông	Xây tường bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	(6,8+2,2+3)*0,1*2	2,400	1.755.000	100%	4.212.000	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(6,8+2,2+3)*0,2*0,3	0,720	1.473.000	100%	1.060.600	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(6,8+2,2+3)*0,3*0,2	0,720	1.473.000	100%	1.060.600	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(6,8+2,2+3)*0,45*0,2	1,080	1.419.000	100%	1.532.500	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	(6,8+2,2+3)*0,5*0,7	4,200	111.000	100%	466.200	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	(6,8+2,2+3)*0,5*0,7/3	1,400	98.000	100%	137.200	

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn,

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Dương Thúy Mỹ, địa chỉ: TDP 85, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

ĐVT: Đồng

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỬA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)	376	35	25.718.600
I	CÔNG TRÌNH BẢNG 2.1.3.1			11.268.200
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THUỶ SẢN			
1	Cây trồng Vật nuôi là thủy sản bảng 2.1.3.2			14.450.400

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Dương Thúy Mỹ, địa chỉ: TDP 85, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (Tinh theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
I	Nhà, công trình kiến trúc									11.268.200
	Tường rào xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vữa tam hợp mác 50		m3	14,8*0,1*2,2	3,256	1.755.000	100%	5.714.300	
	Trụ xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vữa tam hợp mác 50		m3	(0,1*0,2*2,2)*3	0,132	1.755.000	100%	231.700	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75		m3	14,8*0,2*0,3	0,888	1.473.000	100%	1.308.000	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75		m3	14,8*0,3*0,2	0,888	1.473.000	100%	1.308.000	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vữa tam hợp mác 75		m3	14,8*0,45*0,2	1,332	1.473.000	100%	1.962.000	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	14,8*0,5*0,7	5,180	111.000	100%	575.000	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đắp đất công trình khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	14,8*0,5*0,7/3	1,727	98.000	100%	169.200	

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTPPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chủ sở hữu tài sản: hộ bà Trần Thị Thanh Huyền, địa chỉ: TDP 10, phường Bá Xuyên

TT CV	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KẾ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10
1	Cây trồng										8.015.000
	Ỗi ĐK 15cm	Ỗi	Cây có đường kính gốc > 10 cm	Đồng/cây	3	3,0	1.430.000	16,7	50,0	100,0%	4.290.000
	Bưởi Đk 15cm	Bưởi	Cây có đường kính gốc > 5 cm đến 15 cm	Đồng/cây	5	5,0	745.000	25,0	125,0	100,0%	3.725.000
	Chuối có buồng	Chuối	- Cây có buồng	Đồng/khóm	6	6,0	120.000	0,0	-	100,0%	720.000
Tổng DT theo mật độ cây									175,0		

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 205,5 m2
DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ m2
DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 175,0 m2

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	(S1 - S3)x2	=	234,9%
	S2		

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TTr-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chủ sở hữu tài sản: hộ bà Phạm Thị Xuyên (ủy quyền cho ông Đào Khang), địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên

TT CV	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10
1	Cây trồng										93.771.900
	Cây sấu chu vi gốc đo tại h=1,3m:200cm, cao 10,2m	Giá trị gỗ Sấu	Giá trị gỗ Sấu	m3	$2*2/(3,14*4)*10,2*0,5*2$	3,2	8.850.000	20,0	40,0	100,0%	28.748.400
	Cây sấu chu vi gốc đo tại h=1,3m:187cm, cao 9,8m	Giá trị gỗ Sấu	Giá trị gỗ Sấu	m3	$1,87*1,87/(3,14*4)*9,8*0,5*1$	1,4	8.850.000	20,0	20,0	100,0%	12.073.500
	Bưởi ĐK 22cm	Bưởi	Cây có đường kính gốc > 15 cm đến 25 cm	Đồng/cây	8	8,0	3.000.000	25,0	200,0	100,0%	24.000.000
	Bưởi ĐK 18cm	Bưởi	Cây có đường kính gốc > 15 cm đến 25 cm	Đồng/cây	8	8,0	3.000.000	25,0	200,0	100,0%	24.000.000
	Mít ĐK 35cm	Mít	Cây có đường kính gốc > 30 cm đến 40 cm	Đồng/cây	3	3,0	1.650.000	25,0	75,0	100,0%	4.950.000
Tổng DT theo mật độ cây								535,0			

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 278,4 m²

DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ = m²

DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 535,0 m²

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	(S1 - S3)x2	=	104,1%
	S2		

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn,

(Kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Lý Thị Nhận, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên.

ĐVT: Đồng

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỬA ĐẤT	TỜ BẢN ĐỒ	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)	376	35	23.516.200
I	CÔNG TRÌNH BẢNG 2.1.3.1			20.704.300
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THUỶ SẢN			
1	Cây trồng Vật nuôi là thuỷ sản bảng 2.1.3.2			2.811.900

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn,

(Kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTP/QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 21/3/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Lý Thị Nhạn, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên.

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỆN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
I	Nhà, công trình kiến trúc									20.704.300
	Tường rào xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	(8,9+9,6)*0,1*1,8	3,330	1.755.000	100%	5.844.200	
	Trụ xây gạch bê tông	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	(8,9+9,6)*0,1*0,2	0,370	1.755.000	100%	649.400	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(8,9+9,6)*0,2*0,6	2,220	1.473.000	100%	3.270.100	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(8,9*+9,6)*0,3*0,2	5,126	1.473.000	100%	7.551.200	
	Móng xây gạch bê tông	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày >33cm vừa tam hợp mức 75		m3	(8,9+9,6)*0,45*0,2	1,665	1.419.000	100%	2.362.600	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng ≤ 150m3 đầu		m3	(8,9+9,6)*0,5*1	9,250	111.000	100%	1.026.800	

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn

(Kèm theo Thông báo số 418/TB-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Lý Thị Nhạn, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên.

TT CV	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10
1	Cây trồng										2.811.900
	Mít Đk 30cm	Mít	Cây có đường kính gốc > 20 cm đến 30 cm	Đồng/cây	1	1,0	1.155.000	25,0	25,000	100,0%	1.155.000
	Ổi Đk 18cm	Ổi	Cây có đường kính gốc > 10 cm	Đồng/cây	1	1,0	1.430.000	16,7	16,667	100,0%	1.430.000
	Vải Đk 30cm	Vải	Cây có đường kính gốc > 20 cm đến 30 cm	Đồng/cây	1	1,0	226.875	25,0	25,000	100,0%	226.900
	Cây sưa Đk 25cm, đo tại h=1,3, cao 16m	Các loại khác	25 cm ≤D<35cm	cây	0,25*0,25*3,14*16*0,5 *1	1,6	1.000.000	0,0	-	100,0%	1.570.000
Tổng DT theo mật độ cây									41,667		

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 42,7 m2

DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ m2

DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 41,7 m2

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	(S1 - S3)x2	=	205,0%
	S2		

2.1.3.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 4, phường Châu Sơn,

(Phương án kèm theo Thông báo số 418/TT-CNTTPTQĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Chủ sở hữu tài sản: hộ ông (bà) Vũ Văn Tám - Trần Thị Lương, địa chỉ: TDP Bá Xuyên 3, phường Bá Xuyên.

SỐ TT	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT		ĐVT	DIỄN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
I	Nhà, công trình kiến trúc									4.762.000
	Tường rào xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	2,6*0,22*0,35	0,200	1.560.000	100%	312.300	
	Tường rào xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	2,6*0,11*0,5	0,143	1.755.000	100%	251.000	
	Tường rào xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤11cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	2,6*0,22*0,07	0,040	1.755.000	100%	70.300	
	Trụ xây gạch đỏ	Xây tường thẳng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày ≤33cm cao ≤4m vừa tam hợp mức 50		m3	0,22*0,22*1,8*2	0,174	1.560.000	100%	271.800	
	Trát VXM75 (có sơn)	Trát tường dày 1,5cm VXM M75		m2	0,25*4*1,8*2+0,25*0,25*2	3,725	92.000	100%	342.700	
	Sơn	Sơn tường nhà		m2	0,25*4*1,8*2+0,25*0,25*2	3,725	50.000	100%	186.300	
	Trát VXM75 (có sơn)	Trát tường dày 1,5cm VXM M75		m2	2,6*0,95*2	4,940	92.000	100%	454.500	
	Sơn	Sơn tường nhà		m2	2,6*0,95*2	4,940	50.000	100%	247.000	
	Trát VXM75 (có sơn)	Trát tường dày 1,5cm VXM M75		m2	2,6*0,25	0,650	92.000	100%	59.800	
	Sơn	Sơn tường nhà		m2	2,6*0,25	0,650	50.000	100%	32.500	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=6*7*8	10=(11)+(12)
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày $\leq 33\text{cm}$ vừa tam hợp mác 75	m3	2,6*0,33*0,28	0,240	1.473.000	100%	353.900	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày $> 33\text{cm}$ vừa tam hợp mác 75	m3	2,6*0,45*0,21	0,246	1.419.000	100%	348.600	
	Móng xây gạch đỏ	Xây móng bằng gạch đỏ hoặc gạch không nung, chiều dày $> 33\text{cm}$ vừa tam hợp mác 75	m3	2,6*0,57*0,21	0,311	1.419.000	100%	441.600	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đào đất khối lượng $\leq 150\text{m}^3$ đầu	m3	2,6*0,6*0,7	1,092	111.000	100%	121.200	
	Đào móng có đắp =1/3 đào	Đắp đất công trình khối lượng $\leq 150\text{m}^3$ đầu	m3	2,6*0,6*0,7	1,092	98.000	100%	107.000	
	Trụ hàng rào BTCT 0,1x0,1x0,9	Bê tông cốt thép tấm đan, đá 1x2, M200	m2	18*0,1*0,9	1,620	317.000	100%	513.500	
	Sơn	Sơn tường nhà	m2	18*0,1*4*0,9*2	12,960	50.000	100%	648.000	